

CÔNG TY CỔ PHẦN LISA GROUP QUỐC TẾ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LISA GROUP QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL LISA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LISA GROUP ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108586277

3. Ngày thành lập: 14/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 183, ngõ 42, tổ 30, phố Thịnh Liệt, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0836250494

Fax:

Email: dahoan.com@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, Sàn giao dịch bất động sản, Tư vấn bất động sản, Quản lý bất động sản	6820
3.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
4.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
5.	Quảng cáo	7310
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
7.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)

10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
11.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
13.	Trồng cây hàng năm khác	0119
14.	Trồng cây ăn quả	0121
15.	Trồng cây lâu năm khác	0129
16.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
18.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
19.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
20.	Chăn nuôi gia cầm	0146
21.	Chăn nuôi khác	0149
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
23.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
24.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
25.	Sản xuất điện	3511
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
30.	Xây dựng công trình điện	4221
31.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
51.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM YẾN CHI	Số 34, tổ 24, ngõ 100, phố Trần Thái Tông, Phường Bô Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	C1871359	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		

2	VŨ THỊ LÀNH	Số nhà 25, tổ 5, phố Cũ, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	50,000	085021145	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	50,000		
3	PHẠM HUY THẬN	Xóm 5, Giáp Nhị, tổ 30, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	20,000	034052003446	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	20,000		
4	ĐỖ ANH HOÀN	Số 6B, ngách 281/75 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	013272034	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ LÀNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 085021145

Ngày cấp: 26/04/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 25, tổ 5, phố Cũ, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 25, tổ 5, phố Cũ, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội